

HOA NÔNG NỈ CHỒ

Bữa ăn :Ăn Chính
Nỗ tuổi :Mau giao
Tong số tre :307

Sang : Bánh canh thòt nam mỗp bap ca rot
Sõa grow
Trõa : Cõm ga kho ca rot nam
Choi, la: canh ga chiẻn nõc mẳm.
Canh sup su su ca rot khoai tay cu đen tom
khoi thỏt heo nẻc ngo rỉ
Mỏn luỏc: bẻng cai, ca rot, cai thỏa
Xe: nõc hẻt e
Xe chiẻu: Chỏo thỏt tom tỏi rau ngọt

Số Tiền Trên Mỗi Tre 36970				
STT	Tên thóc phẩm	Khối lượng(g)	Nôn gia(ñ/100g)	Thanh tiền(ñ)
	*CHỒ			
1	Rẻm (mủi)	3,000	1,060	31,800
2	Tom bẻn	2,500	34,970	874,250
3	Tom khoi	200	78,100	156,200
4	Me ñẻn*	300	24,090	72,270
5	Sup lỏ xanh*	2,500	9,770	244,250
6	Tỏng ca*	5,000	1,870	93,500
7	Nỏc mẳm Ca (loại 1)	3,000	6,160	184,800
8	Dẻu thao mỏc	5,000	6,280	314,000
9	Nỏng cat	8,000	3,880	310,400
10	Dẻu me	1,000	3,870	38,700
11	Gỏng tỏi	300	8,090	24,270
12	Gẻo tẻ may	26,000	2,630	683,800
13	Ngỏ (bẻp) tỏi	1,000	4,200	42,000
14	Hẻt e*	500	52,800	264,000
15	Me (vỏng)	300	11,880	35,640
16	Hẻnh la	1,500	8,400	126,000
17	Hẻnh cu tỏi	1,000	6,300	63,000
18	Ca rot	5,500	5,670	311,850
19	Nẻm rỏm	1,500	14,180	212,700
20	Mỏp	2,000	4,520	90,400
21	Rẻu ngọt	1,500	6,300	94,500
22	Sủ sủ	3,500	4,100	143,500
23	Rẻu xẻ lẻch	1,500	9,140	137,100
24	Củ đen (củ giẻn)	3,000	5,460	163,800
25	Khoẻi tay	3,000	3,990	119,700
26	Rẻu ngo (Rẻu mủi)	200	8,930	17,860
27	Sup lỏ	1,000	9,350	93,500
28	Cẻi thỏa	2,000	6,510	130,200
29	Ca chủa	1,500	7,670	115,050
30	Bẻnh cẻnh	20,000	2,200	440,000
31	Thỏt ga loại 2	22,000	12,810	2,818,200
32	Thỏt ga loại 1	4,000	12,920	516,800
33	Thỏt lỏn nẻc	6,000	17,850	1,071,000
34	La hẻn quẻ*	300	7,700	23,100
Cong				10,058,140
	*XUẤT KHO			
35	Sỏa bẻt Abbot Grow	6,300	20,500	1,291,500
Cong				1,291,500
Tẻng tiền thỏc phẩm				11,349,640 ñ
Chi phí khẻc				0(ñ)
Tiẻn nõc chi trẻng ngay				11359000(ñ)
Số đỏ ñẻu ngay				0(ñ)
Số đỏ cuỏi ngay				9360(ñ)
Xuẻtẻn lủy kẻ tỏ ñẻu thẻng				
Tiẻu chủan lủy kẻ tỏ ñẻu thẻng				
Tiẻn chi lủy kẻ tỏ ñẻu thẻng				